

Số: /KH-STNMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 03 năm 2021

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2021

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Thực hiện Thông báo số 72/TB-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Tuấn tại cuộc họp nghe báo cáo về dự thảo Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (ngày 12 tháng 01 năm 2021);

Thực hiện Công văn số 477/STNMT-KHTC ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện phương châm hành động và 02 khâu đột phá năm 2021.

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2021, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Ứng dụng Công nghệ thông tin góp phần phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cập nhật, điều chỉnh các Quy chế quản lý và khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Quyết định số 116/QĐ-STNMT ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Quy chế đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Quyết định số 193/QĐ-STNMT ngày 16 tháng 3 năm 2020 khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mới.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2020; Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021 nhằm duy trì hệ thống hạ tầng Công nghệ thông tin, cập nhật thường xuyên hệ thống Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, thẩm định, tham mưu cấp phép theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các Đề cương và dự toán chi tiết xây dựng Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo tiến độ theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương”.

d) 100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 3, 4 trong đó tối thiểu 20% số lượng hồ sơ thực hiện ở mức độ 4.

đ) Duy trì 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

e) 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của Sở được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Cơ bản hoàn thành Cơ sở dữ liệu đất đai, Cơ sở dữ liệu nền địa lý; sẵn sàng kết nối, chia sẻ với Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân về “Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2020 - 2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Sở Xây dựng phục vụ công bố quy hoạch chi tiết xây dựng và Công an tỉnh trong xây dựng Cơ sở dữ liệu dân cư.

h) 90% thiết bị quan trắc tự động, liên tục các thành phần môi trường sử dụng công nghệ số, trong đó 70% tích hợp giải pháp thông minh sử dụng công nghệ kết nối internet vạn vật (IoT).

i) 50% hoạt động thanh tra, kiểm tra của ngành sử dụng Cơ sở dữ liệu để phục vụ cho quá trình thanh tra, kiểm tra; giảm lượng hồ sơ, tài liệu mà đối tượng được thanh tra, kiểm tra phải xuất trình và chuẩn bị dạng giấy.

k) Bảo đảm an toàn thông tin mạng, 100% máy chủ, máy trạm của Sở được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; hoàn thành xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Hệ thống thông tin của ngành được đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

l) 100% công chức, viên chức, người lao động làm việc trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số.

m) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện hoạt động của Hệ thống thông tin ngành.

2. Phát triển kinh tế số, phát huy hiệu quả kinh tế của Cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường

a) Triển khai Ứng dụng điện thoại (sau đây gọi tắt là App) giám sát quyền sử dụng đất của các cá nhân, tổ chức và thu các khoản chi phí bù đắp ngân sách chi cho duy trì Hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường.

b) Cung cấp và mở rộng triển khai dịch vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu đất đai theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân quy định về mức phí thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu đã được xây dựng, thu phí hoặc chi phí nhằm hoàn trả lại một phần chi phí đầu tư để xây dựng, cập nhật các Cơ sở dữ liệu của ngành theo Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường và Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành bộ đơn giá khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

a) Tuyên truyền, truyền thông số nâng cao nhận thức cộng đồng về chuyển đổi số tài nguyên môi trường. Sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước làm hài lòng người dân, doanh nghiệp, tạo thói quen sử dụng dịch vụ số, góp phần phát triển xã hội số.

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu dân cư, các Cơ sở dữ liệu khác phục vụ cho quản lý xã hội, quản lý doanh nghiệp, con người.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tham mưu hoàn thiện các Quy chế, quy định đáp ứng cho chuyển đổi số

a) Cập nhật, điều chỉnh các Quy chế quản lý, cập nhật và khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Quyết định số 116/QĐ-STNMT ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quy chế đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Quyết định số 193/QĐ-STNMT ngày 16 tháng 3 năm 2020 khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mới.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2021; Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021 và tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đã đề ra.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định làm cơ sở để phát triển dịch vụ nội dung số về tài nguyên và môi trường khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Tiếp tục tham mưu đầu tư thiết bị, hình thành hệ thống dữ liệu dự phòng nhằm đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các Cơ sở dữ liệu của ngành đã được xây dựng, cập nhật từ trước đến nay.

b) Duy trì hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường, vận hành các dịch vụ chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, đơn vị.

c) Nâng cấp các phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu đảm bảo tương thích với sự phát triển của công nghệ và yêu cầu quản lý phát sinh.

d) Phát triển các phần mềm mới để đảm bảo từng người dân là một “cảm biến”, tạo điều kiện để từng người dân có thể thu thập, gửi thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Phát triển các ứng dụng chuyển đổi giọng nói, hình ảnh thành văn bản phục vụ cho quá trình phát triển hạ tầng dữ liệu.

g) Chuẩn bị các điều kiện để ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ dự báo trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

h) Chuyển đổi hệ thống đảm bảo tương thích IPv6 (Internet protocol version 6).

3. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Chuẩn hóa các Cơ sở dữ liệu theo Kế hoạch số 52/KH-STNMT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn hóa cơ sở dữ liệu chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường.

b) Xây dựng bổ sung các Cơ sở dữ liệu theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg.

c) Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

d) Tạo lập các kênh tự động thu thập dữ liệu; kênh cho người dân, doanh nghiệp khai báo, tạo lập hoặc thu thập dữ liệu của ngành.

e) Thiết kế, tích hợp, kết nối hệ thống dữ liệu tài nguyên và môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh (dữ liệu không gian đô thị, đất đai, môi trường, tài nguyên nước, địa chất, thời tiết...).

g) Xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

h) Xây dựng kho dữ liệu tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, data lake) nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về tài nguyên và môi trường.

4. Xây dựng nền tảng ứng dụng, dịch vụ số

a) Phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Sở, ngành, địa phương nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin cho khai thác, sử dụng. Xây dựng hệ thống xác thực điện tử dùng chung toàn ngành.

b) Xây dựng, cung cấp các nền tảng dữ liệu số tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh: Nền tảng dữ liệu thông tin đất đai; Nền tảng dữ liệu bản đồ, không gian địa lý; Nền tảng dữ liệu môi trường; Nền tảng dữ liệu về Biển và Hải đảo; Nền tảng dữ liệu địa chất, thủy văn.

c) Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở tài nguyên và môi trường, đáp ứng thu nhận dữ liệu từ các hệ thống dữ liệu liên quan đến tài nguyên và môi trường trong nước và quốc tế, thiết bị cảm biến, dữ liệu chia sẻ từ người dân, doanh nghiệp, cộng đồng, mạng xã hội hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở về tài nguyên và môi trường.

d) Duy trì hoạt động của Cổng Cơ sở dữ liệu.

e) Phát triển các nền tảng ứng dụng, di động cung cấp các dịch vụ, xử lý, tư vấn, khai thác dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường.

g) Giao cho đơn vị sự nghiệp xây dựng, chuyển giao các công nghệ, ứng dụng và tư vấn xây dựng dữ liệu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, các tỉnh khác trong cả nước nhằm tận dụng, phát huy những công nghệ, ứng dụng và kinh nghiệm có được trong quá trình thực hiện Chuyển đổi số của ngành.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

a) Hoàn thành xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) Giao Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thực hiện thường xuyên đánh giá an toàn, an ninh thông tin và chỉnh sửa các lỗi cấu hình thiết bị mạng, thiết bị an toàn thông tin của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Rà soát, kiểm tra an toàn, an ninh thông tin tại các phòng, đơn vị có sử dụng hệ thống thông tin, dữ liệu của ngành.

6. Tham gia phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường

a) Hoàn thiện bộ máy, cơ cấu tổ chức; bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường nhằm đảm bảo khả năng thực hiện Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường.

b) Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư dự án “Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý tài nguyên, môi trường thông minh” nhằm phát triển các ứng dụng nội bộ, ứng dụng chuyên ngành sử dụng công nghệ thông minh phân tích, xử lý, trình bày thông tin, dữ liệu trên các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị trong ngành và cung cấp dịch vụ thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

7. Phát triển kinh tế số

a) Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số về tài nguyên và môi trường cho xã hội, nền kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ nhằm tạo ra dòng chảy dữ liệu, động lực phát triển dữ liệu, tăng giá trị dữ liệu, là cơ sở để đổi mới sáng tạo, phát triển các dịch vụ nội dung số, phát triển nền kinh tế số, truyền thông - quảng cáo số; dịch vụ sáng tạo thông minh; thương mại điện tử...

b) Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về tài nguyên và môi trường phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

c) Giao cho đơn vị sự nghiệp xây dựng, chuyển giao các công nghệ, ứng dụng và tư vấn xây dựng dữ liệu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Bà

Rịa - Vũng Tàu, các tỉnh khác trong cả nước nhằm tận dụng, phát huy những công nghệ, ứng dụng và kinh nghiệm có được trong quá trình thực hiện Chuyển đổi số của ngành.

8. Cung cấp dịch vụ phát triển xã hội số

a) Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường. Bảo đảm tương tác giữa các cơ quan trong ngành với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị.

b) Nâng cao chất lượng dịch vụ số, ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng về tài nguyên và môi trường.

c) Giao cho đơn vị sự nghiệp xây dựng, chuyển giao các công nghệ, ứng dụng và tư vấn xây dựng dữ liệu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, các tỉnh khác trong cả nước nhằm tận dụng, phát huy những công nghệ, ứng dụng và kinh nghiệm có được trong quá trình thực hiện Chuyển đổi số của ngành.

9. Các nhiệm vụ ưu tiên trong Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường

a) Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, khắc phục khoảng trống dữ liệu địa chính.

b) Hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên Biển và Hải đảo; nền địa lý.

c) Hoàn thiện bộ máy, cơ cấu tổ chức; bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường nhằm đảm bảo khả năng thực hiện Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường.

d) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2021; Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021. Và tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đã đề ra.

e) Xây dựng bổ sung các Cơ sở dữ liệu theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg.

g) Xây dựng và triển khai Chiến lược tổng thể tài nguyên số về tài nguyên và môi trường đến năm 2030.

f) Giao cho đơn vị sự nghiệp xây dựng, chuyển giao các công nghệ, ứng dụng và tư vấn xây dựng dữ liệu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Bà

Rịa - Vũng Tàu, các tỉnh khác trong cả nước nhằm tận dụng, phát huy những công nghệ, ứng dụng và kinh nghiệm có được trong quá trình thực hiện Chuyển đổi số của ngành.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

a) Thường xuyên, sáng tạo phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nhiệm vụ chuyển đổi số.

b) Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động; nêu gương, truyền cảm hứng trong quyết liệt thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động thực thi nhiệm vụ.

c) Đổi mới lề lối, phương thức làm việc, xây dựng văn hóa công sở mới phù hợp với quá trình phát triển Chính phủ số.

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trong tiến trình chuyển đổi số.

2. Cải cách hành chính, chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ

a) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá, thay đổi hoặc loại bỏ để trong ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số.

3. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

Hoàn thiện bộ máy, cơ cấu tổ chức; bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường nhằm đảm bảo khả năng thực hiện Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường.

4. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

a) Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các giải pháp công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo nền tảng chuyển đổi số ngành tài nguyên môi trường trong tiến trình phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

b) Phát triển, ứng dụng công nghệ tự động hóa, số hóa, mô hình hóa, trong thu nhận dữ liệu, điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo tài nguyên và môi trường; các giải pháp công nghệ thông minh phục vụ quản trị, phân tích, xử lý,

khai thác, cung cấp sử dụng dữ liệu số ngành tài nguyên môi trường.

c) Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao hiệu quả các công nghệ mới từ các đối tác tiên tiến để trong thu nhận, quản lý, phân tích xử lý dữ liệu tạo bút phá trong phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường.

d) Giao cho đơn vị sự nghiệp xây dựng, chuyển giao các công nghệ, ứng dụng và tư vấn xây dựng dữ liệu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các tỉnh khác trong cả nước nhằm tận dụng, phát huy những công nghệ, ứng dụng và kinh nghiệm có được trong quá trình thực hiện Chuyển đổi số của ngành.

5. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực

a) Đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo về chuyển đổi số.

b) Tổ chức đào tạo đội ngũ chuyên gia nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

d) Thu hút lực lượng chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước có kinh nghiệm triển khai tham gia đào tạo trong các chương trình đào tạo; tham gia mạng lưới chuyên gia về chuyển đổi số.

7. Bảo đảm kinh phí

Ưu tiên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tham mưu bố trí đủ kinh phí chi thường xuyên để duy trì, vận hành các hệ thống thông tin của ngành nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai theo nội dung của Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về việc triển khai, thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả các dự án được giao.

b) Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này trước ngày 20 tháng 12 hàng năm về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Văn phòng Sở

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, chuẩn hoá, tái cấu trúc, đơn giản hoá quy trình, thời gian thực hiện và các bộ phận cấu thành khác

của thủ tục hành chính trên môi trường số; đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở.

b) Chủ trì, tham mưu thực hiện gắn kết công tác cải cách hành chính với chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường; các tiêu chí về phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số trong công tác đánh giá, xếp loại đơn vị, cá nhân thường xuyên.

c) Tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số của ngành.

3. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn quản lý ngân sách hiện hành.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường

a) Là đơn vị đầu mối của Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp thực hiện chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2021 giúp Sở chỉ đạo triển khai thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện Kế hoạch này.

b) Tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để kịp thời tháo gỡ.

c) Đôn đốc, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

d) Đề xuất, xây dựng các nhiệm vụ về hiện đại hóa hành chính và quản trị thông minh triển khai tại cơ quan Sở.

5. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường

a) Kiểm duyệt kịp thời, duy trì hoạt động của Trung tâm tiếp nhận và kết nối với Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đảm bảo các thiết bị quan trắc tự động, liên tục các thành phần môi trường sử dụng công nghệ số, tất cả các thiết bị được kết nối với nhau, trong đó 70% tích hợp giải pháp thông minh sử dụng công nghệ kết nối internet vạn vật (IoT).

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Cung cấp, giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định phục vụ cho các nội dung của Kế hoạch.

b) Tham gia cập nhật thông tin, dữ liệu; sử dụng các ứng dụng do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp để phục vụ công tác quản lý ở địa phương.

Yêu cầu các phòng, cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân Tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông (để phối hợp);
- Ban Giám đốc Sở (để biết);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để phối hợp);
- Các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc (để thực hiện);
- Lưu: VT, TTCNTT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hải